

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Hải Dương, xã Bình Ngọc, TP.Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

Tel: 057. 3899176 Fax: 057. 3823466



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý IV năm 2015

TP.Tuy Hòa, tháng 01-2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 – 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 – 27

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuận Thảo trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Thuận Thảo được chuyển đổi từ Công ty TNHH Vận Tài & Thương Mại Thuận Thảo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4400123162 ngày 28 tháng 12 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Phú Yên cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 13 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh như sau:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 08 tháng 01 năm 2010 chuẩn y cho việc tăng vốn điều lệ từ 83.020.000.000 VND lên 93.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 26 tháng 02 năm 2010.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 31 tháng 3 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 93.020.000.000 VND lên 290.020.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tư ngày 26 tháng 5 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi số lượng cổ phần nắm giữ của các cổ đông sáng lập.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ năm ngày 09 tháng 9 năm 2010 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ sáu ngày 06 tháng 12 năm 2010 chuẩn y cho các việc tăng vốn điều lệ từ 290.020.000.000 VND lên 435.030.000.000 VND.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 18 tháng 7 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi về thông tin chi nhánh và thông tin về địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ tám ngày 10 tháng 8 năm 2011 chuẩn y cho các việc thay đổi người đại diện trước pháp luật và bổ sung văn phòng đại diện.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ chín ngày 02 tháng 11 năm 2011 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ngày 09 tháng 12 năm 2011 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười một ngày 18 tháng 01 năm 2012 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 06 tháng 02 năm 2013 chuẩn y cho việc bổ sung ngành nghề kinh doanh và địa điểm kinh doanh.
- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười ba ngày 23 tháng 09 năm 2013 chuẩn y cho việc thay đổi người đại diện trước pháp luật.

• **Vốn điều lệ** : **435.030.000.000 VND**

• **Danh sách cổ đông sáng lập:**

<u>Tên cổ đông</u>	<u>Loại CP</u>	<u>Số cổ phần</u>	<u>Giá trị CP VND</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Phổ thông	10.062.000	100.620.000.000
- Ông Võ Hoàng Chương	Phổ thông	580.000	5.800.000.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Ông Trương Trọng Cử	Phổ thông	290.000	2.900.000.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Phổ thông	290.000	2.900.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cộng

11.802.000

118.020.000.000

- **Trụ sở chính:**

Địa chỉ : Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

Điện thoại : (84-057) 3824229

Fax : (84-057) 3823466

Mã số thuế : 4 4 0 0 1 2 3 1 6 2

Email: info@thuanthao.vn

Website: <http://www.thuanthao.vn>

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo (Tỉnh Phú Yên).**

Địa chỉ: 236/6 Quốc lộ 13, Phường 26, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo tại TP.Quy Nhơn.**

Địa chỉ: Khu vực 5, Phường Ghềnh Ráng, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- **Chi nhánh Công ty Cổ phần Thuận Thảo Khách sạn Cendeluxe.**

Địa chỉ: Số 2 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- **Hoạt động chính của Công ty:**

- Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ bưu phẩm, bưu kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.
- Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.
- Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.
- Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.
- Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sản giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.
- Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.
- Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng Quản trị
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Thành viên
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Thành viên
- Ông Võ Văn Thuận	Thành viên (đến ngày 05/06/2015)
- Ông Lương Ngọc Khánh	Thành viên (đến ngày 05/06/2015)
- Ông Võ Hoàng Chương	Thành viên (từ ngày 06/06/2015)
- Ông Trần Quốc Hiến	Thành viên (từ ngày 06/06/2015)

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Ông Nguyễn Hữu Ân	Trưởng ban
- Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên (đến ngày 05/06/2015)
- Bà Nguyễn Thị Ánh Loan	Thành viên (đến ngày 05/06/2015)
- Ông Dương Ngọc Trát	Thành viên (từ ngày 06/06/2015)
- Bà Lương Thị Ngọc Thúy	Thành viên (từ ngày 06/06/2015)

Ban Tổng Giám đốc Công ty:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
- Bà Võ Thị Thanh	Tổng Giám đốc
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng
- Ông Võ Hoàng Chương	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 30/9/2015)

Kết quả hoạt động kinh doanh và phân phối lợi nhuận

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm Báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến thời điểm lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về các Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập các Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và các Báo cáo tài chính được lập tuân thủ Hệ thống kế toán đã đăng ký.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Hệ thống kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



VÕ HOÀNG CHƯƠNG – Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Tuy Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		550.183.745.956	538.388.873.348
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		622.864.959	299.754.211
1. Tiền	111	VI.1	622.864.959	299.754.211
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		543.099.396.309	530.266.597.605
1. Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	VI.2	17.328.196.813	2.207.993.288
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	VI.3	33.246.790.509	32.166.491.364
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	VI.4	400.000.000.000	400.000.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.5	92.524.408.987	95.892.112.953
IV. Hàng tồn kho	140		3.506.511.749	4.004.369.033
1. Hàng tồn kho	141	VI.6	3.506.511.749	4.004.369.033
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.954.972.939	3.818.152.499
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	2.954.972.939	3.818.152.499
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		889.450.550.455	963.852.621.803
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		461.000.000	468.600.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	VI.5	461.000.000	468.600.000
II. Tài sản cố định	220		824.433.588.156	883.681.744.316
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.8	824.433.588.156	883.681.744.316
<i>Nguyên giá</i>	222		1.045.393.376.129	1.081.715.390.699
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(220.959.787.973)	(198.033.646.383)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.205.442.291	6.025.080.434
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	VI.9	6.205.442.291	6.025.080.434
IV. Tài sản dài hạn khác	260		58.350.520.008	73.677.197.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	58.350.520.008	73.677.197.053
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.439.634.296.411	1.502.241.495.151

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.294.919.482.279	1.238.097.191.793
I. Nợ ngắn hạn	310		928.942.425.034	858.689.894.896
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.10	21.163.723.053	23.623.477.476
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.11	408.513.508	494.773.674
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.12	107.587.788.551	92.469.961.148
4. Phải trả người lao động	314		5.619.320.241	4.834.837.611
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.13	385.250.001.275	315.639.867.429
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.14	3.628.444.704	1.756.873.882
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.15	4.277.652.005	5.506.648.413
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.16	400.570.970.868	413.849.353.654
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		436.010.829	514.101.609
II. Nợ dài hạn	330		365.977.057.244	379.407.296.897
1. Phải trả dài hạn khác	337	VI.15	22.669.231.208	24.494.381.751
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	VI.16	343.307.826.036	354.912.915.146
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		144.714.814.132	264.144.303.358
I. Vốn chủ sở hữu	410		144.714.814.132	264.144.303.358
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	VI.17	435.030.000.000	435.030.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		435.030.000.000	435.030.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	VI.17	11.807.798.943	11.807.798.943
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	VI.17	(302.122.984.811)	(182.693.495.585)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	3.934.453.051
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(182.693.495.586)	(186.627.948.636)
			(119.429.489.225)	(186.627.948.636)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.439.634.296.411	1.502.241.495.151

Tỉnh Phú Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2016



HUỲNH THỊ KHOA TRÂM
Người lập biểu



NGUYỄN VĂN NHƯ
Kế toán trưởng




VÔ HOÀNG CHƯƠNG
Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV/2015	Quý IV/2014	Lũy kế từ đầu năm đến quý IV/2015	Lũy kế từ đầu năm đến quý IV/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1		40.151.419.077	41.418.295.184	203.495.637.230	221.593.088.288
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		53.633.219	78.257.690	248.798.358	314.656.297
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.1	40.097.785.858	41.340.037.494	203.246.838.872	221.278.431.991
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	37.054.051.539	49.452.480.271	168.222.907.770	203.733.903.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.043.734.319	(8.112.442.777)	35.023.931.102	17.544.528.986
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	356.666	1.035.797	4.426.830	8.397.688
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	19.216.683.709	23.882.130.657	77.247.403.078	91.766.827.899
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		19.216.683.709	23.882.130.657	77.247.403.078	91.766.827.899
8. Chi phí bán hàng	25	VII.5	6.383.186.041	6.729.742.069	27.116.696.771	28.480.574.488
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.6	9.904.276.843	26.847.169.825	40.600.462.846	56.187.291.859
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(32.460.055.608)	(65.570.449.531)	(109.936.204.762)	(158.881.767.572)
11. Thu nhập khác	31	VII.7	19.946.519.466	564.696.910	22.072.667.052	5.064.109.789
12. Chi phí khác	32	VII.8	24.351.286.676	18.725.758.497	31.565.951.515	32.810.290.853
13. Lợi nhuận khác	40		(4.404.767.210)	(18.161.061.587)	(9.493.284.463)	(27.746.181.064)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(36.864.822.818)	(83.731.511.118)	(119.429.489.225)	(186.627.948.636)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VII.9	-	-	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(36.864.822.818)	(83.731.511.118)	(119.429.489.225)	(186.627.948.636)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(847)	(1.925)	(2.745)	(4.290)


HUỲNH THỊ KHOA TRÂM
 Người lập biểu


NGUYỄN VĂN NHU
 Kế toán trưởng


VŨ HOÀNG CHƯƠNG
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 Đường Hải Dương, xã Bình Ngọc, Tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2015	Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý IV/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(119.429.489.225)	(186.627.948.636)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	49.960.438.330	63.360.074.968
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	1.943.267.106	(244.672.857)
- Chi phí lãi vay	06	77.247.403.078	91.766.827.899
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	9.721.619.289	(31.745.718.626)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(12.825.198.704)	14.663.511.630
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	497.857.284	1.434.504.366
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	13.043.719.315	24.753.638.717
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	3.857.178.229	5.673.588.547
- Tiền lãi vay đã trả	13	(7.637.269.232)	(17.820.002.415)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(870.000.000)	(1.061.207.058)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(78.090.780)	(93.349.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<u>5.709.815.401</u>	<u>(4.195.033.839)</u>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(319.761.857)	(6.635.081.602)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	19.812.102.270	2.528.909.091
- Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.426.830	3.975.897.688
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<u>19.496.767.243</u>	<u>(130.274.823)</u>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở	31	-	-
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	76.679.838.419	103.008.037.381
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(101.563.310.315)	(98.716.900.552)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<u>(24.883.471.896)</u>	<u>4.291.136.829</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	<u>323.110.748</u>	<u>(34.171.833)</u>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	<u>299.754.211</u>	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	<u><u>622.864.959</u></u>	<u><u>299.754.211</u></u>


 HUỖNH THỊ KHOA TRÂM
 Người lập biểu


 NGUYỄN VĂN NHƯ
 Kế toán trưởng


 VÕ HOÀNG CHUÔNG
 Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 03 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ Phần Thuận Thảo (gọi tắt là Công ty).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
- **Lĩnh vực kinh doanh** : Vận tải, thương mại, du lịch.
- **Ngành nghề kinh doanh** :

Bán buôn, bán lẻ bằng ô tô. Vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định. Vận tải hành khách bằng xe buýt. Vận tải hành khách theo hợp đồng và taxi. Vận tải hàng hóa bằng ô tô. Hoạt động kho bãi. Dịch vụ kho vận, dịch vụ bến xe. Đóng gói lẻ. Dịch vụ buro phẩm, buro kiện. Dịch vụ chuyển tiền. Dịch vụ điện thoại.

Sản xuất nước uống tinh khiết đóng chai. Sản xuất nước đá tinh khiết. Sản xuất cà phê.

Kinh doanh dịch vụ ăn uống, giải khát, nhà hàng. Kinh doanh khách sạn. Kinh doanh tua du lịch lữ hành, điều hành tua du lịch. Đại lý tua du lịch. Đại lý mua bán vé máy bay.

Kinh doanh phòng hát Karaoke. Dịch vụ cắt tóc, làm đầu, gội đầu. Dịch vụ tắm hơi, massage. Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp cho nam và nữ. Hoạt động sinh hoạt văn hóa (tổ chức gặp mặt, giao lưu). Hoạt động nghệ thuật sân khấu, âm nhạc. Kinh doanh khu vui chơi, giải trí, trò chơi dân gian có thưởng, hoạt động của cơ sở thể thao, hoạt động bơi lội. Tổ chức hội chợ triển lãm thương mại. Quảng cáo, trưng bày, giới thiệu hàng hóa.

Mua bán: thực phẩm, thiết bị, dụng cụ hệ thống điện, thiết bị văn phòng, lương thực, hoa, cây cảnh, sữa và các sản phẩm từ sữa, đồ uống, rượu, bia, nước đá tinh khiết, thuốc lá điếu, đồ dùng cá nhân và gia đình, mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa và chế phẩm vệ sinh, sách, báo, tạp chí, giấy viết. Bán buôn động vật nuôi. Nhập khẩu, mua bán trao đổi vật liệu xây dựng, thiết bị lắp đặt trong xây dựng, thiết bị trang trí nội thất. Khai thác cát (chỉ được hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cho phép và chấp thuận địa điểm).

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Dịch vụ tư vấn bất động sản, môi giới bất động sản. Sản giao dịch bất động sản. Định giá bất động sản. Quản lý bất động sản. Đấu giá bất động sản.

Bán buôn, bán lẻ các sản phẩm sơ chế từ chim yến (tổ yến). Sơ chế và đóng gói sản phẩm từ chim yến (tổ yến) để bán.

Chiếu phim 3D, 4D và các loại phim khác (trừ phim Nhà nước cấm).

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND);

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng .

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VIỆT NAM

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

V. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01/01/2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200 được áp dụng phi hồi tố. Công ty đã trình bày thuyết minh thông tin so sánh trên báo cáo tài chính đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200 và Quyết định 15 tại thuyết minh VII.10 của báo cáo tài chính.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính theo giá trị sổ sách các khoản phải thu từ khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh. Mức trích dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	25 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Dụng cụ quản lý	04 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	04 - 10 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế thương mại được phân bổ trong thời gian 10 năm.

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ tức là lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty sẽ được chia cho các cổ đông, cổ tức được ghi nhận theo đề nghị của Hội đồng quản trị trong việc phân phối lợi nhuận trình Đại hội cổ đông.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ, gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Tài khoản này không phản ánh các khoản thuế được giảm trừ vào doanh thu như thuế GTGT đầu ra phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp. Việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện như sau:

- Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;
- Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phần chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...)

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời, còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản vay.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo bộ phận

Báo cáo theo bộ phận bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc một bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý: Là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có chịu rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đơn vị tính: VND

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	520.036.000	187.935.500
- Tiền gửi ngân hàng	89.133.958	107.763.710
- Tiền đang chuyển	13.695.001	4.055.001
Cộng	<u>622.864.959</u>	<u>299.754.211</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty TNHH C H C	2.779.403.863	529.397.358
- Khách hàng về cung cấp dịch vụ vận tải	909.722.585	954.897.856
- Khách hàng khách sạn CenDeluxe	420.114.396	83.868.750

11-1-2016 10:11

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

- Công ty TNHH VT & TM An Thiên Phúc	12.249.499.000	-
- Các khách hàng khác	969.456.969	639.829.324
Cộng	17.328.196.813	2.207.993.288

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH XD Xây lắp Thế Minh	-	145.751.465
- Công ty TNHH CHC	2.874.482.509	1.599.149.226
- Bà Võ Thị Thanh (trả trước tiền mua đất tại Thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Tp.HCM)	30.000.000.000	30.000.000.000
- Các khách hàng khác	372.308.000	421.590.673
Cộng	33.246.790.509	32.166.491.364

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Cho vay Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	400.000.000.000	400.000.000.000
Cộng	400.000.000.000	400.000.000.000

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác	92.524.408.987	95.892.112.953
- Phải thu ngân sách chi phí làm đường N1 - Resort	798.956.000	798.956.000
- Chi phí đền bù đất	3.514.940.701	3.855.899.331
- Công ty TNHH CHC	32.939.121.777	36.758.284.797
- Công ty TNHH VT & TM An Thiên Phúc	1.011.064.000	-
- Công ty CP Thuận Thảo Nam Sài Gòn	53.632.500.000	53.632.500.000
- Tạm ứng	283.327.585	287.565.287
- Các khoản khác	344.498.924	558.907.538
Phải thu dài hạn khác	461.000.000	468.600.000
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	461.000.000	468.600.000
Cộng	92.985.408.987	96.360.712.953

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Nguyên vật liệu	1.386.622.485	-	1.502.833.038	-
Công cụ dụng cụ	559.056.999	-	648.014.770	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	118.133.823	-	122.846.135	-
Thành phẩm	20.340.114	-	60.521.490	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

Hàng hóa	1.422.358.328	-	1.670.153.600	-
Cộng	3.506.511.749	-	4.004.369.033	-

7. Chi phí trả trước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.954.972.939	3.818.152.499
- Chi phí đồ dùng dụng cụ	1.731.412.218	2.338.669.159
- Chi phí sửa chữa	619.133.766	566.048.916
- Chi phí khác	604.426.955	913.434.424
Chi phí trả trước dài hạn	58.350.520.008	73.677.197.053
- Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	893.949.625	2.184.310.694
- Lợi thế thương mại	52.413.883.123	64.746.561.499
- Chi phí đền bù đất	3.802.883.228	3.888.392.648
- Chi phí tái cấu trúc	1.026.865.041	1.007.964.920
- Chi phí trả trước dài hạn khác	212.938.991	1.849.967.292
Cộng	61.305.492.947	77.495.349.552

8. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Tình hình biến động Tài sản cố định trong kỳ như sau:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Thiết bị, đồ dùng quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá						
Tại 01/01/2015	894.490.218.144	11.792.948.369	135.889.151.278	8.491.519.877	31.051.553.031	1.081.715.390.699
Đầu tư hoàn thành	-	-	-	-	-	-
Mua trong kỳ	-	139.400.000	-	-	-	139.400.000
Thanh lý	-	-	(36.461.414.570)	-	-	(36.461.414.570)
Tại 31/12/2015	894.490.218.144	11.932.348.369	99.427.736.708	8.491.519.877	31.051.553.031	1.045.393.376.129
Hao mòn lũy kế						
Tại 01/01/2015	109.673.878.966	6.339.701.084	58.041.380.152	4.587.777.194	19.390.908.987	198.033.646.383
Trích khấu hao	20.134.882.861	1.129.405.623	12.952.242.080	791.527.627	2.619.701.763	37.627.759.954
Thanh lý	-	-	(14.701.618.364)	-	-	(14.701.618.364)
Tại 31/12/2015	129.808.761.827	7.469.106.707	56.292.003.868	5.379.304.821	22.010.610.750	220.959.787.973
Giá trị còn lại						
Tại 01/01/2015	784.816.339.178	5.453.247.285	77.847.771.126	3.903.742.683	11.660.644.044	883.681.744.316
Tại 31/12/2015	764.681.456.317	4.463.241.662	43.135.732.840	3.112.215.056	9.040.942.281	824.433.588.156

Phần lớn tài sản cố định của Công ty đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các Ngân hàng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	6.205.442.291	6.025.080.434
Cộng	6.205.442.291	6.025.080.434

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- DNTN Xăng dầu Hiệp Thành Phát	967.373.475	2.517.616.859
- DNTN thương mại An Phát	9.700.000.000	11.410.000.000
- Chi nhánh Công ty TNHH VT & SC ô tô Phát Trường (Quảng Nam)	263.814.120	533.825.280
- Công ty TNHH TM&DVTH Hòa Khánh	141.905.350	697.886.570
- Công ty TNHH CKL Việt Nam	780.084.401	798.688.800
- DNTN TM Kim Phúc	438.067.022	1.427.710.804
- DNTN Phú Thành	406.365.390	564.442.000
- Công ty TNHH VT & TM An Thiên Phúc	394.240.000	-
- Các đối tượng khác	8.071.873.295	5.673.307.163
Cộng	21.163.723.053	23.623.477.476

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Khách hàng trả trước tiền mua hàng	408.513.508	494.773.674
Cộng	408.513.508	494.773.674

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
- Thuế GTGT	56.018.245.513	11.488.448.168	4.540.851.724	62.965.841.957
- Thuế thu nhập cá nhân	294.809.506	9.726.712	-	304.536.218
- Thuế TNDN	5.761.345.652	-	870.000.000	4.891.345.652
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	61.756.560	98.432.334	154.652.440	5.536.454
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	537.627.610	456.966.208	-	994.593.818
- Thuế môn bài	-	8.000.000	8.000.000	-
- Thuế khác	29.796.176.307	8.629.758.145	-	38.425.934.452
Cộng	92.469.961.148	20.691.331.567	5.573.504.164	107.587.788.551

- **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng luật thuế giá trị gia tăng hiện hành

Phương pháp tính thuế : Phương pháp khấu trừ thuế

Thuế suất : 10 %

- **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

(Xem thuyết minh V.12)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

13. Phải trả người lao động

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải trả người lao động	5.619.320.241	4.834.837.611
Cộng	<u>5.619.320.241</u>	<u>4.834.837.611</u>

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay ngân hàng	385.250.001.275	315.639.867.429
Cộng	<u>385.250.001.275</u>	<u>315.639.867.429</u>

15. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu chưa thực hiện	3.628.444.704	1.756.873.882
Cộng	<u>3.628.444.704</u>	<u>1.756.873.882</u>

16. Phải trả khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả ngắn hạn khác	<u>4.277.652.005</u>	<u>5.506.648.413</u>
- Bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm xã hội, Y tế	341.701.851	1.356.811.274
- Kinh phí công đoàn	666.653.063	80.220.063
- Phải trả tiền làm đường Độc Lập	1.476.130.565	1.476.130.565
- Hàng gửi	248.949.000	226.883.000
- Phải trả cổ tức	657.780.000	657.780.000
- Các khoản khác	886.437.526	1.708.823.511
Phải trả dài hạn khác	<u>22.669.231.208</u>	<u>24.494.381.751</u>
- Tiền gửi nhân viên	6.599.696.500	8.332.066.875
- Ký quỹ khách hàng	433.500.000	526.280.168
- Bà Võ Thị Thanh	12.025.136.708	12.025.136.708
- Ông Võ Thanh Hoàng Chương	701.270.000	701.270.000
- Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	330.600.000	330.600.000
- Bà Võ Thanh Minh Hằng	1.279.905.000	1.279.905.000
- Ông Võ Thanh Việt Cường	330.550.000	330.550.000
- Ông Trương Trọng Cử	330.550.000	330.550.000
- Ông Võ Văn Thuận	638.023.000	638.023.000
Cộng	<u>26.946.883.213</u>	<u>30.001.030.164</u>

11/01/2016 15:11

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

17. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 01/01/2015	Số tiền vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tại ngày 31/12/2015
Vay và nợ ngắn hạn	413.849.353.654	75.178.443.419	(88.456.826.205)	400.570.970.868
- BIDV Phú Tài	375.001.228.600	-	(3.487.226.374)	371.514.002.226
- Vietinbank Phú Yên	30.070.120.767	57.891.594.342	(74.395.084.143)	13.566.630.966
- VP Bank	356.000.000	-	(356.000.000)	-
- LienVietPostBank	7.297.438.888	-	(7.297.438.888)	-
- Vay của cá nhân	1.124.565.399	17.286.849.077	(2.921.076.800)	15.490.337.676
Vay và nợ dài hạn	354.912.915.146	1.501.395.000	(13.106.484.110)	343.307.826.036
- BIDV Phú Tài	253.543.734.507	-	-	253.543.734.507
- VP Bank	89.000.000	-	(89.000.000)	-
- LienVietPostBank	46.366.336.018	-	(2.702.065.110)	43.664.270.908
- Vay của cá nhân	54.913.844.621	1.501.395.000	(10.315.419.000)	46.099.820.621
Cộng	768.762.268.800	76.679.838.419	(101.563.310.315)	743.878.796.904

18. Nguồn vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	435.030.000.000	9.138.181.391	2.564.177.948	4.096.127.111	450.828.486.450
Lỗ trong năm trước	-	-	-	(186.627.948.636)	(186.627.948.636)
Trích các quỹ	-	70.293.069	35.146.535	(161.674.060)	(56.234.456)
Số dư cuối năm trước	435.030.000.000	9.208.474.460	2.599.324.483	(182.693.495.585)	264.144.303.358
Số dư đầu năm nay	435.030.000.000	11.807.798.943	-	(182.693.495.585)	264.144.303.358
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	(119.429.489.225)	(119.429.489.225)
Số dư cuối kỳ này	435.030.000.000	11.807.798.943	-	(302.122.984.810)	144.714.814.132

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 31/12/2015	%	Ngày 01/01/2015	%
Vốn góp của Nhà nước	-	-	-	-
Vốn góp của các đối tượng khác	43.503.000.000	100	43.503.000.000	100
Cộng	43.503.000.000	100	43.503.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Từ 01/01/2014 đến 31/12/2014
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	43.503.000.000	43.503.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

Vốn góp cuối kỳ	43.503.000.000	43.503.000.000
-----------------	----------------	----------------

d. Cổ phiếu

	<u>Ngày 31/12/2015</u>	<u>Ngày 01/01/2015</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.503.000	43.503.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.503.000	43.503.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.503.000	43.503.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.503.000	43.503.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1. Doanh thu

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40.151.419.077	41.418.295.184
- Khoản giảm trừ doanh thu	53.633.219	78.257.690
Doanh thu thuần	<u>40.097.785.858</u>	<u>41.340.037.494</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.054.051.539	49.452.480.271
Cộng	<u>37.054.051.539</u>	<u>49.452.480.271</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
Lãi tiền gửi	356.666	1.035.797
Cộng	<u>356.666</u>	<u>1.035.797</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
Chi phí trả lãi vay	19.216.683.709	23.882.130.657
Cộng	<u>19.216.683.709</u>	<u>23.882.130.657</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

5. Chi phí bán hàng

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	903.923.253	919.618.563
- Chi phí công cụ dụng cụ, bao bì	950.698.365	1.058.465.736
- Chi phí khấu hao	3.874.669.527	4.154.059.720
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	90.802.237	72.606.144
- Chi phí khác bằng tiền	563.092.659	524.991.906
Cộng	<u>6.383.186.041</u>	<u>6.729.742.069</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	2.861.175.540	4.402.371.419
- Chi phí công cụ dụng cụ và đồ dùng	309.125.815	1.194.759.271
- Khấu hao TSCĐ	2.490.083.932	2.440.637.688
- Lợi thế thương mại	3.083.169.597	15.415.847.985
- Thuế phí, lệ phí	484.274.838	564.709.812
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	316.772.292	2.499.862.706
- Chi phí khác bằng tiền	359.674.829	328.980.944
Cộng	<u>9.904.276.843</u>	<u>26.847.169.825</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
- Thu thanh lý TSCĐ	19.557.556.818	48.909.090
- Các khoản khác	388.962.648	515.787.820
Cộng	<u>19.946.519.466</u>	<u>564.696.910</u>

8. Chi phí khác

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
- Chi phí khác	105.328.314	732.791.483
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	4.135.284.321	17.449.876.920
- Giá trị còn lại tài sản thanh lý	20.110.674.041	543.090.094
Cộng	<u>24.351.286.676</u>	<u>18.725.758.497</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Quý 4/2015</u>	<u>Quý 4/2014</u>
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	(36.864.822.818)	(83.731.511.118)
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

- Thu nhập chịu thuế	-	-
- Thuế suất	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của các bên liên quan với Công ty phát sinh trong Quý 4/2015 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Bà Võ Thị Thanh	Chủ tịch hội đồng quản trị - Cổ đông sáng lập	Cho Công ty mượn tiền Công ty trả lại tiền mượn	1.501.395.000 (10.315.419.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 công nợ giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Phải trả			
Bà Võ Thị Thanh	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương	12.849.260.708
Ông Võ Hoàng Chương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương	740.942.000
Bà Đặng Thị Nguyệt Thương	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương	348.129.000
Bà Võ Thanh Minh Hằng	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, thù lao, lương	1.099.737.000
Ông Võ Thanh Việt Cường	Cổ đông sáng lập	Cho công ty mượn tiền	590.000.000
Ông Trương Trọng Cử	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức	330.550.000
Ông Võ Văn Thuận	Cổ đông sáng lập	Phải trả tiền cổ tức, lương + thù lao	899.367.000
Phải thu			
Công ty cổ phần Thuận Thảo Nam Sài Gòn	Bà Võ Thị Thanh là Chủ tịch HĐQT	Nợ tiền lãi vay Nợ tiền vay	53.632.500.000 400.000.000.000

Tiền lương và thù lao của các thành viên quản lý Công ty trong kỳ như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
Võ Thị Thanh	Chủ tịch HĐQT, kiêm Tổng giám đốc	Lương + Thù lao	824.124.000
Huỳnh Sỹ Chiến	Phó Tổng GD	Lương	240.095.000
Võ Thanh Minh Hằng	Phó Tổng GD	Lương + Thù lao	409.832.000
Võ Hoàng Chương	Phó Tổng GD	Lương	60.769.000
Võ Văn Thuận	Cố vấn	Lương + Thù lao	261.344.000
Đặng Thị Nguyệt Thương	GD tài chính	Lương + Thù lao	223.760.000
Lương Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	Thù lao	11.250.000
Nguyễn Văn Như	Kế toán trưởng	Lương + Thù lao	110.902.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

Nguyễn Hữu Ân	Trưởng BKS	Lương + Thù lao	107.304.000
Nguyễn Thị Ánh Loan	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	21.704.000
Nguyễn Thị Loan	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	38.893.000
Lương Thị Ngọc Thúy	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	44.548.000
Dương Ngọc Trát	Thành viên BKS	Lương + Thù lao	5.600.000

2. Thông tin về bộ phận

	Kinh doanh vận tải	Kinh doanh khu du lịch và khách sạn	Kinh doanh thương mại	Sản xuất nước tinh khiết	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.400.108.763	12.374.088.290	6.464.994.259	1.858.594.546	40.097.785.858
Doanh thu tài chính	3.985	164.840	187.841	-	356.666
Thu nhập khác	89.966.691	35.159.576	19.800.510.378	20.882.821	19.946.519.466
Tổng doanh thu và thu nhập khác	19.490.079.439	12.409.412.706	26.265.692.478	1.879.477.367	60.044.661.990
Giá vốn hàng bán	19.774.009.865	9.460.663.241	6.823.045.284	996.333.149	37.054.051.539
Chi phí bán hàng	1.059.044.040	4.315.576.604	452.265.157	556.300.240	6.383.186.041
Chi phí quản lý doanh nghiệp	671.933.984	3.357.500.985	5.700.017.072	174.824.802	9.904.276.843
Chi phí tài chính	1.515.302.440	6.746.768.000	10.909.586.269	45.027.000	19.216.683.709
Chi phí khác	20.166.954	10.845	24.331.087.876	21.001	24.351.286.676
Tổng chi phí	23.040.457.283	23.880.519.675	48.216.001.658	1.772.506.192	96.909.484.808
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	(3.550.377.844)	(11.471.106.969)	(21.950.309.180)	106.971.175	(36.864.822.818)

3. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số V.2.

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	622.864.959	299.754.211	622.864.959	299.754.211
Cho vay	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	17.328.196.813	2.207.993.288	17.328.196.813	2.207.993.288
Phải thu khác	92.702.081.402	96.093.147.666	92.702.081.402	96.093.147.666
Cộng	510.653.143.174	498.600.895.165	510.653.143.174	498.600.895.165

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

Nợ phải trả tài chính

Các khoản vay	743.878.796.904	768.762.268.800	743.878.796.904	768.762.268.800
Chi phí phải trả	385.250.001.275	315.639.867.429	385.250.001.275	315.639.867.429
Phải trả người bán	21.163.723.053	23.623.477.476	21.163.723.053	23.623.477.476
Phải trả khác	26.946.883.213	30.320.872.709	26.946.883.213	30.320.872.709
Cộng	1.177.239.404.445	1.138.346.486.414	1.177.239.404.445	1.138.346.486.414

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Do hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty hoạt động tập trung ở lĩnh vực dịch vụ vận tải, dịch vụ nhà hàng khách sạn, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến sự biến động của thị trường.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
Số cuối kỳ			
Các khoản vay	400.570.970.868	343.307.826.036	743.878.796.904
Phải trả người bán	21.163.723.053	-	21.163.723.053
Phải trả khác	3.269.297.091	23.677.586.122	26.946.883.213
Chi phí phải trả	385.250.001.275	-	385.250.001.275
Cộng	810.253.992.287	366.985.412.158	1.177.239.404.445

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
Số đầu năm			
Các khoản vay	413.849.353.654	354.912.915.146	768.762.268.800
Phải trả người bán	23.623.477.476	-	23.623.477.476
Phải trả khác	4.069.617.076	26.251.255.633	30.320.872.709
Chi phí phải trả	315.639.867.429	-	315.639.867.429
Cộng	757.182.315.635	381.164.170.779	1.138.346.486.414

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	622.864.959	-	-	622.864.959
Cho vay	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	17.328.196.813	-	-	17.328.196.813
Phải thu khác	92.702.081.402	-	-	92.702.081.402
Cộng	510.653.143.174	-	-	510.653.143.174
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	299.754.211	-	-	299.754.211
Cho vay	400.000.000.000	-	-	400.000.000.000
Phải thu khách hàng	2.207.993.288	-	-	2.207.993.288
Phải thu khác	96.093.147.666	-	-	96.093.147.666
Cộng	498.600.895.165	-	-	498.600.895.165

4. Số liệu so sánh

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài Chính đã ban hành thông tư 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính 2015. Từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng thông tư 200 và trình bày hồi tố các chỉ tiêu có thay đổi so với Quyết định số 15 tại ngày đầu năm trên bảng cân đối kế toán

Do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200, một số chỉ tiêu tại ngày 31/12/2014 trên Bảng Cân đối kế toán được điều chỉnh hồi tố như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN THẢO

Số 3 đường Hải Dương, Xã Bình Ngọc, Thành phố Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Báo cáo tài chính Quý 4 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Số liệu tại ngày 31/12/2014

	Số trước điều chỉnh (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)
3. Đầu tư ngắn hạn khác	400.000.000.000	-	(400.000.000.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	129.979.032.318	530.266.597.605	400.287.565.287
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	400.000.000.000	400.000.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	95.604.547.666	95.892.112.953	287.565.287
V. Tài sản ngắn hạn khác	4.105.717.786	3.818.152.499	(287.565.287)
5. Tài sản ngắn hạn khác	287.565.287	-	(287.565.287)
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	468.600.000	468.600.000
6. Phải thu dài hạn khác	-	468.600.000	468.600.000
V. Tài sản dài hạn khác	74.145.797.053	73.677.197.053	(468.600.000)
4. Tài sản dài hạn khác	468.600.000	-	(468.600.000)
I. Nợ ngắn hạn	-	1.756.873.882	1.756.873.882
8. Doanh thu chưa thực hiện	-	1.756.873.882	1.756.873.882
II. Nợ dài hạn	1.756.873.882	-	(1.756.873.882)
8. Doanh thu chưa thực hiện	1.756.873.882	-	(1.756.873.882)
I. Vốn chủ sở hữu	264.144.303.358	264.144.303.358	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	9.208.474.460	11.807.798.943	2.599.324.483
3. Quỹ dự phòng tài chính	2.599.324.483	-	(2.599.324.483)

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán từ 01/01/2015 đến 31/12/2015, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Tỉnh Phú Yên, ngày 19 tháng 01 năm 2016

HUỲNH THỊ KHOA TRÂM

Người lập biểu

NGUYỄN VĂN NHƯ

Kế toán trưởng



VÕ HOÀNG CHƯƠNG

Tổng Giám đốc

